

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2024/DS-PT
Ngày: 17 - 6 - 2024
V/v tranh chấp “Quyền sử dụng
đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan
Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 845/2023/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953, (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967, (có mặt);

Địa chỉ: tổ C, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn T1 (Tiềm), sinh năm 1965, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

2.2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

2.3. Ông Lê Văn M1, sinh năm 1959, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các thành viên trong hộ gia đình ông Lê Văn M1:

3.1. Bà Trần Thị Á, sinh năm 1957, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

Các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1:

3.2. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986, (xin vắng mặt);

3.3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989, (xin vắng mặt);

3.4. Cháu Nguyễn Duy K1, sinh năm 2020, (xin vắng mặt);

3.5. Chị Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1995, (xin vắng mặt);

- *Đại diện theo pháp luật của cháu K1:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989 và chị Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1995, (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

Các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn M:

3.6. Bà Nguyễn Thị Đàn E, sinh năm 1965, (xin vắng mặt);

3.7. Anh Nguyễn Minh G, sinh năm 1993, (xin vắng mặt);

3.8. Chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1997, (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn Nguyễn Thị C có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Bà C có thửa đất số 854, diện tích 3.491,9m² và thửa số 942, diện tích 932,4m² cùng tờ bản đồ số HKC4, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo số liệu vlap là thửa số 24, tờ bản đồ số 28.

Giáp với đất của bà C là đất ông Lê Văn M1 (thửa số 840, tờ bản đồ số HKC4, diện tích 2.808m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/4/2001); đất ông Nguyễn Văn M (thửa số 409, tờ bản đồ số 24, diện tích 30,6m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/12/2014 và thửa số 941, tờ bản đồ số HKC4, diện tích 493,0m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy ngày 02/01/1999); đất ông Nguyễn Văn T1 (thửa số 855, tờ bản đồ số HKC4, diện tích 1.351,0m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/10/1998). Nay bà C yêu cầu hộ gia đình ông Lê Văn M1; ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Văn M trả lại phần đất như sau:

+ Yêu cầu hộ gia đình ông Lê Văn M1 di dời toàn bộ tài sản trên đất trả lại phần đất có ký hiệu trong sơ đồ đo đạc Đông Hải ngày 08/3/2023 ký hiệu T-31+32+34 diện tích 69,4m².

+ Yêu cầu hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 di dời toàn bộ tài sản trên đất trả lại phần đất có ký hiệu trong sơ đồ đo đạc Đông Hải ngày 08/3/2023 ký hiệu T-25+26+27+28+29+30 diện tích 94,9m².

+ Yêu cầu hộ gia đình ông Nguyễn Văn M di dời toàn bộ tài sản trên đất trả lại phần đất có ký hiệu trong sơ đồ đo đạc Đông Hải ngày 08/3/2023 ký hiệu T-20+21+22+23+24 diện tích 27,6m².

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn T1 có thửa đất số 855, tờ bản đồ số HKC4, diện tích 1.351,0m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/10/1998. Phần đất ông T1 giáp với đất bà C là con mương nằm bên đất của ông T1. Vào năm 2008, Nhà nước có chủ trương mở rộng làm lộ nhựa phía trước nhà, nên vận động người dân hiến đất làm lộ, ông T1 có hiến đất làm lộ và còn lại phần đất phía trước đất bà C, gia đình ông T1 đã cất nhà tường kiên cố để làm quây thuốc bán thuốc tây vào năm 2021, khi cất nhà không có cơ quan nào ngăn cản.

Nay, hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 không đồng ý trả lại phần đất có ký hiệu T-25+26+27+28+29+30 diện tích 94,9m² theo yêu cầu của bà C vì đất này thuộc quyền quản lý gia đình ông đã được cấp giấy theo quy định.

- Bị đơn là ông Lê Văn M1 trình bày:

Ông Lê Văn M1 có thửa đất số 840, tờ bản đồ số HKC4, diện tích 2.808m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/4/2001. Phần đất ông M1 giáp với đất bà C là con mương nằm bên đất của ông M1. Vào năm 2008, Nhà nước có chủ trương mở rộng làm lộ nhựa phía trước nhà, nên vận động người dân hiến đất làm lộ, ông M1 có hiến đất làm lộ và còn lại phần đất phía trước đất bà C, gia đình ông M1 có đồ sàn bê tông hết đất này vào năm 2019.

Nay, hộ gia đình ông Lê Văn M1 không đồng ý trả lại phần đất có ký hiệu T-31+32+34 diện tích 69,4m² theo yêu cầu của bà C vì đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp gia đình ông đã được cấp giấy.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông Nguyễn Văn M có thửa đất số 409, tờ bản đồ số 24, diện tích 30,6m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/12/2014 và thửa số 941, tờ bản đồ số HKC4, diện tích 493,0m² do UBND huyện C cấp giấy ngày 02/01/1999. Phần đất ông M giáp với đất bà C là con mương nằm bên đất của ông M, vào năm 2008 Nhà nước có chủ trương mở rộng làm lộ nhựa phía trước nhà, nên vận động người dân hiến đất làm lộ, nên ông M có hiến đất làm lộ và còn lại phần đất phía trước đất bà C, gia đình ông M cất nhà hết trên phần đất tranh chấp vào năm 1998 nhà tường kiên cố gia đình ông M ở đến năm 2008 Nhà nước làm lộ để làm đê bao, gia đình ông M hiến đất ông đã đập phá ½ nhà hiến đất Nhà nước hỗ trợ cho gia đình ông được 9.000.000 đồng, sau đó gia đình

ông sửa lại ở cho tới nay, gia đình ông M ở từ trước đến nay không có ai tranh chấp, khiếu nại gì, ngăn cản gì.

Nay, hộ gia đình ông Nguyễn Văn M không đồng ý trả lại phần đất có ký hiệu trong sơ đồ đo đạc Đông Hải ngày 08/3/2023 ký hiệu T-20+21+22+23+24 diện tích 27,6m² vì đất này thuộc quyền quản lý của hộ gia đình ông M.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 166 Luật Đất đai.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc: yêu cầu hộ ông Lê Văn M1 tháo dỡ di dời khung sàn bê tông kết cấu sàn bê tông cốt thép, có bồn tự hoại, diện tích 69,4m² và 02 cây mít loại B2 trả lại phần đất diện tích 69,4m²; hộ ông Nguyễn Văn M tháo dỡ, di dời nhà kết cấu cột bê tông cốt thép, kèo đòn tay thép, mái tole, không trần, nền poist, mặt sàn bê tông, diện tích 21,6m² trả lại phần đất diện tích 27,6m²; hộ ông Nguyễn Văn T1 tháo dỡ, di dời nhà kết cấu cột kèo bê tông cốt thép, mái tole, trần prima, nền gạch Ceramic, có khu phụ, diện tích 39,3m² trả lại phần đất diện tích 94,9m² tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 13 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn Nguyễn Thị C có đơn kháng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trước đây bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm cải sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà C thay đổi yêu cầu kháng cáo do bà C cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa đưa đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C. Do vậy bà C yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo. Việc thay đổi yêu cầu kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nội dung kháng cáo: xét thấy phần đất tranh chấp là đất công thuộc hành lang bảo vệ đường tỉnh 864 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa cơ quan quản lý đất công vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ như hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sơ đồ giải thửa theo Chỉ thị 299 để làm cơ sở giải quyết vụ án. Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp với khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Xét việc thay đổi nội dung kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định.

[4]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị C là chủ sử dụng thửa đất số 854, diện tích 3.491,9m² và thửa số 942, diện tích 932,4m², cùng tờ bản đồ HKC4, tại địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo số liệu vlap hiện nay là thửa 24, tờ bản đồ 48 nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ông Lại Văn M2, ông Trần Văn T3 (BL 342 - 345), thể hiện nội dung như sau: Năm 1991, ông Nguyễn Văn N có bán cho bà Nguyễn Thị C một miếng đất, lúc đó, ông N đã đào sẵn một con rạch rộng hơn 04 mét thông ra sông T. Sau khi mua đất, bà C có đắp đập để ghe xuồng ra vào đến lộ 864 hiện nay. Đất của ông T1 (Tiềm), ông M và ông M1 có một phần nằm trên đường đá đỏ, bên kia đường đá đỏ là con rạch do ông N đào. Hiện trạng phần đất tranh chấp nằm trên con rạch thuộc quyền sử dụng của ông N trước đây, sau này là của bà C. Đất của ông T1, ông M và ông M1 đã bị Nhà nước thu hồi để làm đường tỉnh 864, không có phần dư ra phía bên kia đường như hiện nay.

Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Mười H2 (BL 340-341) thể hiện nội dung: Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn N là cha ruột của bà H1 và bà H2. Trước khi chuyển nhượng đất cho bà C thì ông N có đào một con rạch giáp tỉnh lộ 864 ngày nay (xưa là đường đá đỏ) thông ra sông T. Năm 1991, ông N bán nguyên thửa đất này cho bà C, bà C đã sử dụng con rạch để ghe, xuồng ra vào bán trái cây. Bà H2 và bà H1 xác định phần đất các bên đang tranh chấp nằm trên con rạch do ông N đào trước đây, sau này bán cho bà C, còn đất của ông T1, ông M và ông M1 nằm bên kia lộ 864 không có phần đất nào bên đây lộ giáp với đất bà C. Việc ông T1, ông M và ông M1 xây dựng công trình trên phần đất tranh chấp là không đúng.

Ngoài ra, tại biên bản hòa giải tranh chấp ngày 28/12/2021 và ngày 21/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã H (BL 08-09; BL 88-89) thể hiện ý kiến của Hội đồng hòa giải như sau: Căn cứ vào hồ sơ hiện đất của ông T1 từ vị trí ranh đo vào phần đất 07 mét. Hồ sơ xác minh tại thời điểm phần đất ông T1 tiếp giáp bà C là 01 con kênh (trên bản đồ không thể hiện). Phần ông T1 đang xây dựng không thuộc quyền sở hữu của ông T1, yêu cầu ông T1 phải tháo dỡ. Phần đất của ông M được giải tỏa làm đê bao sông T không thể hiện mốc giải tỏa, qua quá trình xác minh hồ sơ không có cơ sở để chứng minh được phần đất ông M được cấp Giấy chứng nhận nằm tại vị trí nào.

Ngày 17/6/2022, Ủy ban nhân dân xã H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 193/QĐ-XPHC, xử phạt 2.500.000 đồng đối với ông Nguyễn Văn T1 do có hành vi vi phạm xây dựng công trình khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ (BL 375).

Theo “Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất” ngày 08/3/2022 thể hiện phần đất tranh chấp có một phần diện tích là đất công theo ranh bản đồ địa chính (BL 266-167).

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên có cơ sở để xác định phần đất tranh chấp trước đây là một con rạch nằm trong thửa đất 24, tờ bản đồ 48 của bà C, nay là đường T. Sau khi Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất của hộ ông T1, ông M và ông M1 để làm đường tỉnh 864 thì các hộ này không còn diện tích đất nào phía bên kia đường giáp với thửa đất 24, tờ bản đồ 48 của bà C. Việc ông T1, ông M và ông M1 xây dựng công trình trên đất công thuộc Nhà nước quản lý là trái với quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2013. Bà C đã gửi đơn khiếu nại thời gian dài và Ủy ban nhân dân xã H đã lập biên bản yêu cầu các bị đơn ngừng thi công và ra quyết định xử phạt hành chính đối với ông T1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định cho rằng từ khi ông T1, ông M, ông M1 được cấp giấy đất và xây dựng công trình, cây trồng trên phần đất tranh chấp, bà C biết cũng không khiếu nại gì, do bà C không có tài liệu chứng cứ để chứng minh phần đất tranh chấp 191,90m² là của bà nên yêu cầu khởi kiện của bà C đòi lại phần diện tích đất này là không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự. Xét nhận định nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Việc đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa khách quan, toàn diện, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm còn có những vi phạm như sau:

+ Ngày 19/6/2023, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định nhập vụ án số 04/2023/QĐST-DS, nhập 03 vụ án đã thụ lý riêng biệt thành 01 vụ án thụ lý số 431/2022/TLST-DS ngày 05/10/2022 nhưng quyết định nhập vụ án chưa được giao cho Viện kiểm sát cùng cấp và các đương sự là vi phạm khoản 3 Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ngày 12/7/2023, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng Tòa án không tổng đạt thông báo kết quả phiên họp cho họ là vi phạm khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ địa chính được thành lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là hồ sơ theo Chỉ thị 299) để làm rõ các thửa đất của bà C có cạnh nào giáp với đất của các bị đơn hay không? nguồn gốc, vị trí, tứ cận và biến động của các thửa đất trước và sau khi đường tỉnh 864 được hình thành để làm cơ sở giải quyết vụ án.

+ Theo “Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất” ngày 08/3/2022 thể hiện phần đất tranh chấp là đất công do Nhà nước quản lý, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cơ quan quản lý đất công vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung. Để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2023/DSST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo quy định.

2/- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị C.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. C;
- CCTHADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn (Thẩm)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy